**TOÁN**

***TUẦN 15***

**BÀI 40: TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Biểu diễn được tỉ số phần trăm dưới dạng phân số và biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm (trong một số trường hợp đơn giản).
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến tỉ số phần trăm.
* Phát triển các NL toán học như: Sử dụng trò chơi học toán để giúp học sinh thực hành các kỹ năng toán học một cách thú vị và hiệu quả; học sinh giải quyết các bài toán về biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số và biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:** | | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại thế nào là tỉ số phần trăm, lấy một số ví dụ về tỉ số phần trăm.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - **GV giới thiệu bài**. | | - HS nhắc lại thế nào là tỉ số phần trăm, lấy một số ví dụ về tỉ số phần trăm. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:**  *-Học sinh làm được bài tập 2 và 3 để ôn tập về đọc số, nếu giá trị của chữ số, phân tích số thành tổng và so sánh các số tự nhiên.*  **\* Cách tiến hành:** | | |
| ***Nhiệm vụ: Hoàn thành BT3*** | | **Bài 3.** |
| a) Biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm:  - Xác định yêu cầu đề bài.  - GV gợi ý:  *+ Cần chuyển đổi các phân số hay các tỉ số phần trăm về dạng phân số có mẫu số là bao nhiêu?* | | - HS **đọc** yêu cầu bài tập 3 phần a.  *a) Biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm (theo mẫu):*  *Mẫu:*    - Rút gọn các phân số về phân số thập phân (phân số có mẫu số là 100) rồi chuyển sang tỉ số phần trăm. |
|  | | - HS bài cá nhân vào bảng con. |
| -Gv yêu cầu HS giơ bảng, chia sẻ bài trước lớp. | | - HS chia sẻ trước lớp. |
| b) Biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số:  - Xác định yêu cầu đề bài  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm rồi làm VBT  - Yêu cầu HS chia sẻ kết quả.  c) Biểu diễn số thập phân dưới dạng tỉ số phần trăm:  - Xác định yêu cầu đề bài.  - Yêu cầu 3 HS lên bảng làm và chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, kết luận kiến thức.  ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  - GV yêu cầu HS thảo luận với bạn cùng làm, nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  **- GV lưu ý cho HS các diễn đạt tỉ số phần trăm trong thực tế:** *Trong thực tế để diễn đạt tỉ số phần trăm người ta có thể sử dụng các dạng câu nói với hàm ý so sánh.*  + “So với": *Ví dụ,* số HS nữ so với số HS nam.  + “Chiếm”: *Ví dụ,* có tổng cộng 100 học sinh, số học sinh nữ chiếm 52 em.  + “Cứ .... thì": *Ví dụ,* cứ 100 quá trứng thì có 5 quả không đạt tiêu chuẩn. Hoặc: *Cứ 100 sản phẩm sản xuất ra thì có 2 sản phẩm bị lỗi.* | | - HS **đọc** yêu cầu bài tập 3 phần b  *b) Biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số (theo mẫu):*  *Mẫu:*    - Chuyển tỉ số phần trăm sang phân số thập phân rồi rút gọn (nếu có).  - HS thảo luận nhóm đôi theo hình thức hỏi đáp.  - HS tự điền kết quả vừa thảo luận được vào vở bài tập Toán.  - Đại diện 2-3 nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.  - HS **đọc** yêu cầu bài tập 3 phần c.  *c) Biểu diễn số thập phân dưới dạng tỉ số phần trăm (theo mẫu):*  *Mẫu:*    - Chuyển các số thập phân sang phân số thâp phân rồi viết dưới dạng tỉ số phần trăm.  - HS làm bài cá nhân vào vở và chia sẻ cùng bàn.  - HS nắm được nội dung 3 phần kiến thức vừa làm.  Kết quả:  *a)*      *b)*        *c)*      **Bài 4:** *Số?*  *a) Câu lạc bộ bóng rổ của một trường tiểu học có 100 học sinh, trong đó có 52 học sinh nữ. Tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh của cả câu lạc bộ là ? %.*  *b) Trong một lò ấp trứng, trung bình cứ 100 quả trứng thì có 5 quả không đạt tiêu chuẩn. Tỉ số phần trăm số trứng đạt tiêu chuẩn là ? %*  - HS thảo luận nhóm và nói cho bạn nghe cách làm.  *a) Câu lạc bộ tổng cộng có 100 học sinh, số học sinh nữ chiếm 52 em. Ta có tỉ số hay tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh của cả câu lạc bộ là 52%.*  *b) Cứ 100 quả trứng, thì có 5 quả không dạt tiêu chuẩn. Ta có tỉ số hay tỉ số phần trăm số trứng đạt tiêu chuẩn là 95%.*  - HS trình bày bài và chia sẻ trước lớp.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh của cả câu lạc bộ là 52%.*  *b) Tỉ số phần trăm số trứng đạt tiêu chuẩn là 95%.*  - HS theo dõi, ghi nhớ. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến tỉ số phần trăm.  **b. Cách thức tiến hành** | | |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT5***  **- GV lưu ý:** đây là dạng bài về ý nghĩa của tỉ số phần trăm, trong đó một “toàn thể” nào đó được coi là 100%.  - GV cho HS thảo luận nhóm, trao đổi về ý nghĩa của các tỉ số phần trăm.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **- Mở rộng:** *GV lưu ý cho HS khi nói đến tỉ số phần trăm ta cần hiểu một cách khái quát hơn.*  ***Ví dụ:*** *28% diện tích mảnh vườn để trồng hoa, nghĩa là tỉ số của phần diện tích để trồng hoa so với diện tích toàn thể mảnh vườn là 28%, không nên quan niệm hẹp là toàn thể mảnh vườn luôn phải được chia thành 100 phần bằng nhau.*  **\* CỦNG CỐ**  - Tiết học vừa rồi chúng ta học nội dung gì?  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 41 – *Tìm tỉ số phần trăm của hai số.*** | | **Bài 5:**  *Nói cho bạn hiểu biết của em khi đọc các thông tin sau:*  *- Người ta dành 28% diện tích mảnh vườn để trồng hoa.*  *- Cửa hàng giảm giá 40% tất cả các sản phẩm.*  *- Khoảng 71% bề mặt Trái Đất được bao phủ bởi nước.*  - HS nói theo nhóm. - HS trao đổi, nêu các bước thực hiện:  - Kết quả:  *+ 28% diện tích mảnh vườn là để trồng hoa, nghĩa là nếu diện tích mảnh vườn được coi là 100 phần thì có 28 phần để trồng hoa.*  *+ Cửa hàng giảm giá 40% tất cả các sản phẩm, nghĩa là nếu giá của tất cả các sản phẩm được coi là 100 phần thì được giảm đi 40 phần.*  *+ Khoảng 71% bề mặt Trái Đất được bao phủ bởi nước, nghĩa là nếu diện tích của bề mặt Trái Đất được coi là 100 phần thì có 71 phần được bao phủ bởi nước.*  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  HS nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

Có thể mở đầu tiết học bằng HĐ tổ chức trò chơi: ***Tiếp sức đồng đội***

|  |
| --- |
| **Nội dung câu hỏi trò chơi**  *a) Một sợi dây đồng dài 100m, bác Ba cắt 48m để uốn thành hình một ngôi sao. Tỉ số phần trăm của đoạn dây đã cắt ra so với đoạn dây ban đầu là:*  *48% B. 0,48%*  *C. 4,8% D. 480%*  *b) Một đội văn nghệ có 100 người, trong đó có 60 nữ. Tỉ số phần trăm của số nữ và số người trong đội là:*  *A. 6%*  *B. 60%*  *C. 0,6%*   *D. 0,60%*  *c) 0,24 viết thành tỉ số phần trăm là:*  *A. 0,24%*  *B. 2,4%*  *C. 24%*  *D. 240%*  *d) Phân số viết thành tỉ số phần trăm là:*  *A. 27%*  *B. 27,50%*  *C. 54%*   *D. 0,54%*  *e) Một rổ cam có 100 quả, trong đó có 7 quả bị dập. Hỏi tỉ số phần trăm của số quả ngon trong tổng số quả là bao nhiêu?*  *A. 7 % B. 70%*  *C. 0,93% D. 93%*  **ĐÁP ÁN:**  *a) 🡪 C****họn A.***  *b) 🡪* ***Chọn B.***  *c) 🡪* ***Chọn C.***  *d) 🡪* ***Chọn C.***  *e) Số quả cam ngon là: 100 – 7 = 93*  *Tỉ số phần trăm của số quả ngon trong tổng số quả là:*  ***Chọn D.*** |

**BÀI 41: TỈ SỐ PHẦN TRĂM CỦA HAI SỐ**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* HS biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số
* Phát triển các NL toán học như: Sử dụng trò chơi học toán để giúp học sinh thực hành các kỹ năng toán học một cách thú vị và hiệu quả; học sinh giải quyết các bài toán; biết phân tích và tìm được tỉ số phần trăm của hai số.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | | |
| **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh ***Khởi động***, yêu cầu HS quan sát, đọc bóng nói.    - GV nêu câu hỏi:  *+ Tiết mục văn nghệ có bao nhiêu bạn nam? Có bao nhiêu bạn nữ.*  *+ Tỉ số giữa số bạn nam và số bạn nữ là gì?*  - GV đặt vấn đề: *“Tỉ số phần trăm giữa số bạn nam và số bạn nữ là bao nhiêu?”*  - GV giới thiệu bài: *“Ở tiết trước, các em đã được học về khái niệm tỉ số phần trăm. Hôm nay, cô trò mình sẽ cùng nhau tìm hiểu cách tính tỉ số phần trăm của hai số. Chúng ta vào bài mới:* ***Bài 41: Tìm tỉ số phần trăm của hai số****”.* | - HS quan sát, thực hiện yêu cầu của GV.  - HS trả lời:  *+ Tiết mục văn nghệ có 3 bạn nam và 5 bạn nữ.*  *+ Tỉ số giữa số bạn nam và số bạn nữ là .*  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. | |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Mục tiêu:** *Biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số.* | | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV đặt vấn đề: *Tìm tỉ số phần trăm của hai số 3 và 5.*  - GV dẫn dắt: “*Bài trước ta đã học cách biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm, vậy có thể viết tỉ số phần trăm của 3 và 5 bằng cách như vậy không?”*  GV mở rộng cách tìm tỉ số phần trăm bằng cách thực hiện phép chia hai số.  - GV hướng dẫn HS:  *+ Tìm thương của 3 và 5.*  *+ Nhân thương với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.*  *Vậy 3 : 5 = 60% hay tỉ số phần trăm của hai số 3 và 5 là 60%.*  *Có thể viết gọn là 3 : 5 = 0,6 = 60%.*  - GV khái quát lại cách viết tỉ số phần trăm của hai số.  ***Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b, ta làm như sau:***  ***- Tìm thương của a và b.***  ***- Nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.***  - GV yêu cầu HS nhắc lại.  - GV lưu ý thêm **điều kiện để tìm được tỉ số phần trăm của hai số: phải biết hai số đó.** | - HS trả lời:  - Tìm thương của 3 và 5.  - (Thực hiện phép chia 3 : 5).  Ta có: 3 : 5= 0,6.  + Nhân thương với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.  0,6 = 60%.  Vậy 3:5 = 60% hay tỉ số phần trăm của hai số 3 và 5 là 60%.  Có thể viết gộp lại là 3 : 5 = 0,6 = 60%.  - Cách tìm tỉ số phần trăm của hai số: *Tìm thương của hai số, nhân thương với 100, viết thêm kí hiện % vào bên phải tích tìm được.*  HS nhắc lại. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (10 phút)**  **\*Mục tiêu*:*** *Củng cố và hoàn thiện kĩ năng tìm tỉ số phần trăm của hai số.* | | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1:**  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Ong tìm về tổ***”. **Cách chơi:** *Sau mỗi chướng ngại vật sẽ là một phép tính về tìm tỉ số phần trăm của hai số, các em HS sẽ lần lượt giúp bạn ong vượt qua chướng ngại vật để tìm về tổ của mình.*  **Lưu ý** với chướng ngại vật cuối cùng với đề bài Tìm tỉ số phần trăm của 3,9 và 13.  + 3,9 là số thập phân vì vậy 3,9 : 3 là kí hiệu của tỉ số mà không phải là phân số. Với phân số thì cả tử và mẫu đều phải là số tự nhiên.  - GV chữa bài, chốt đáp án và gọi 1 – 2 HS nhắc lại quy tắc tìm tỉ số % của hai số.  **- GV tổng kết:** *Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào?* | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Tìm tỉ số phần trăm của:*  *a) 3 và 4 b) 5 và 4*  *c) 16 và 50 d) 3,9 và 13*  - HS tham gia trò chơi giải các phép tính, tìm được tỉ số phần trăm của các số.  - HS sẽ lần lượt giúp bạn ong vượt qua chướng ngại vật để tìm về tổ của mình.  - HS vận dụng quy tắc chia một số thập phân cho một số tự nhiên, tìm thương của phép chia sau đó nhân nhẩm với 100 và thêm kí hiệu %.  -Kết quả:  *a) 3 : 4 = 0,75 = 75%*  *b) 5 : 4 = 1,25 = 125%*  *c) 16 : 50 = 0,32 = 32%*  *d) 3,9 : 13 = 0,3 = 30%*  - HS nhắc lại quy tắc. | |
| **Bài 2:** Giới thiệu cách thực hiện các phép tính với tỉ số phần trăm.  - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nhận biết các bước thực hiện.  - HS đọc đề bài và thực hiện các phép tính cho trong bài tập.  - Yêu cầu HS đổi vở chia sẻ chéo với bạn, quan sát, giúp đỡ HS.  - GV chữa bài, chốt đáp án. | ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Tính (theo mẫu)*    *a) 34,4% + 9% b) 10% - 4,5%*  *c) 7,8% 2 d) 74,5% : 5*  - HS quan sát mẫu, phân tích các thao tác thực hiện:  *+ Tính với các số (tự nhiên, phân số hoặc số thập phân).*  *+ Viết kí hiệu % vào bên phải kết quả tìm dược.*  - Thực hiện bài tập vào vở ghi.  - Đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  - Kết quả:  *a) 34,3% + 9% = 43,4%*  *b) 10% - 4,5% = 5,5%*  *c) 7,8% 2 = 15,6%*  *d) 74,5% : 5 = 14,9%* | |
| **(\*) Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - *Qua tiết học hôm nay, các em đã ôn tập những kiến thức gì?*  - *Để nắm chắc kiến thức đó, em muốn nhắn bạn điều gì? Em có cần Thầy/Cô chia sẻ thêm gì không?*  **- Dặn dò:** *Về nhà em hãy xem lại bài và tìm thêm ví dụ về tỉ số phần trăm của hai số, chuẩn bị cho tiết học sau.* | HS chia sẻ hôm nay đã củng cố, ôn tập được những gì.  - HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.  - HS nghe để thực hiện nhiệm vụ:   * *Xem lại bài và luyện tập thêm.* * *Chuẩn bị bài tiết 2.* | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**BÀI 41: TỈ SỐ PHẦN TRĂM CỦA HAI SỐ**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Củng cố và hoàn thiện kỹ năng: tìm tỉ số phần trăm của hai số. Vận dụng gỉài quyết vấn đề có nội dung liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của hai số.
* Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, và mô hình hóa toán học thông qua việc vận dụng phép tính để giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả và trao đổi, và áp dụng kỹ năng tính toán trong các tình huống thực tế.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tổ chức trò chơi khởi động với mục đích tạo không khí lớp học vui vẻ.* | | |
| - Gv tổ chức trò chơi **Đố bạn** để khởi động tiết học.  - GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm.  - GV tổ chức cho HS chơi trước lớp | - HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo nhóm 4, một bạn trong nhóm viết ra hai chữ số rồi đố bạn tìm được tỉ số phần trăm của hai số và nêu kết quả.  - HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo nhóm 4.  - 4HS lên trước lớp, ghi ví dụ về tìm tỉ số phần trăm của hai số và đố cả lớp thực hiện | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **\* Mục tiêu*:*** *Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng: tìm tỉ số phần trăm của hai số, vận dụng vào bài toán về tìm tỉ số phần trăm của hai số.* | | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV nêu bài toán: *Một đoàn khách du lịch đi tham quan khu phố cổ Hà Nội có tất cả 48 người, trong đó có 12 nữ. Tìm tỉ số phần trăm của số nữ so với tổng số người của cả đoàn.*  **Em hiểu**  - GV cho HS đọc đề bài, phân tích đề bài.  *+ Bài toán cho gì?*  *+ Bài toán hỏi gì?*  **Em nghĩ**  - GV đặt câu hỏi dẫn dắt:  *+ Nhắc lại cách tìm tỉ số % của hai số.*  *+ Muốn tìm tỉ số phần trăm của số nữ so với cả đoàn ta làm thế nào?*  **Em trả lời**  - GV yêu cầu HS trình bày bài giải.  - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày bài.  **-** GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình giải bài toán (nói một cách khái quát). | - HS trả lời:  *+ Có tất cả 48 người, trong đó có 12 nữ.*  *+ Tìm tỉ số phần trăm của số nữ so với cả đoàn.*  - HS trả lời:  + *Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b, ta làm như sau:*  *- Tìm thương của a và b.*  *- Nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.*  + *Tìm thương của 12 và 48.*  *Nhân thương với 100 rồi viết thêm kí hiệu % vào bên phải số vừa tìm được.*  - HS trả lời  *Bài giải*  *Tỉ số phần trăm của số nữ so với tổng số người của cả đoàn là:*  *12 : 48 = 0,25*  *0,25 = 25%*  *Đáp số: 25%*  - HS nhắc lại. | |
| **C.** **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu cách làm bài toán giải toán về tìm tỉ số phần trăm. | | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 3.**  - GV cho HS đọc đề bài, cho biết bài toán cho gì, bài toán hỏi gì, suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề.  - Muốn tìm tỉ số phần trăm của số người chở thêm so với thiết kế ta làm thế nào?  - Nhắc lại cách tìm tỉ số % của hai số.  - Yêu cầu 1 HS đọc bài giải và chia sẻ trước lớp.  ***Lưu ý:*** Khi trình bày bài giải, HS có thể trình bày gộp như sau:  9 : 45 = 0,2 = 20%  - Gv nhận xét, yêu cầu HS nhắc lại quy trình giải bài toán (nói một cách khái quát). | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT3***  *Một xe buýt theo thiết kế chở được 45 người, nhưng có thể chở thêm 9 người. Tìm tỉ số phần trăm của số người chở thêm so với thiết kế.*  HS đọc, phân tích bài toán  + Bài toán cho biết: Thiết kế chở được 45 người, có thể chở thêm 9 người.  + Bài toán hỏi: Tìm tỉ số phần trăm của số người chở thêm so với thiết kế.  - HS suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề: Tìm tỉ số phần trăm của 9 và 45.  - HS nhắc lại.  - HS giải bài toán vào vở ghi, đổi vở chia sẻ  Kết quả:  *Bài giải*  *Tỉ số phần trăm của số người chở thêm so với thiết kế là:*  *9 : 45 = 0,2 = 20%*  *Đáp số: 20%* | |
| **Bài 4**  a. Nhận xét cách tính tỉ số % của hai cách :  - **GV chốt lại**: *Để tìm tỉ số phần trăm của hai số có hai cách làm, nhưng bản chất là xử lí thương a : b*  *Lưu ý:* Khi thương là một phân số có thể dễ dàng chuyển về phân số thập phân, rồi chuyển về tỉ số phần trăm.  b. Thực hành  - Gv chấm vở 1 số bài, nhận xét.  - GV tổng kết: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta có thể làm theo những cách nào? | ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT4***  *a) Nhận xét hai cách tính tỉ số phần trăm của hai số 17 và 20 dưới đây:*      *b) Tìm tỉ số phần trăm của hai số bằng một trong hai cách trên:*  *13 và 25 36 và 75*  - HS nhắc lại, lớp ghi nhớ.  - *Cách 1:* Thực hiện các thao tác sau:  + Tìm thương của a và b (ở dạng STP)  + Nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được. (Nói khác đi là nhân thương với 100%).  *- Cách 2:* Thực hiện thao tác:  + Tìm thương của a và b (viết dưới dạng phân số).  + Nhân a với 100; Chia cho b; Viết thêm kí hiệu % vào bên phải kết quả tìm được.  - Hs thực hành 1 trong 2 cách để thực hiện tìm tỉ số phần trăm của 13 và 25; 36 và 75.  - HS chia sẻ kết quả trong nhóm.  Kết quả:  *Tỉ số phần trăm của 13 và 25*  *Cách 1: 13 : 25 = 0,52 = 52%*  *Cách 2: 13 : 25 = % = 52%*  *Tỉ số phần trăm của 36 và 75*  *Cách 1: 36 : 75 = 0,48 = 48%*  *Cách 2: 36 : 75 = = 48%*  - HS nêu cách làm. | |
| **D.** **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **\* Mục tiêu:** *Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, và mô hình hóa toán học thông qua việc vận dụng phép tính để giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả và trao đổi, và áp dụng kỹ năng tính toán trong các tình huống thực tế.* | | |
| **\* Cách tiến hành:**  Bài 5: GV nêu bài toán thực tế.  - GV cho HS thảo luận nhóm, nói cho nhau nghe bài toán cho gì, bài toán hỏi gì và trình bày bài vào vở cá nhân.  - GV gợi ý cho HS: *Khi hoàn thành đúng kế hoạch thì xưởng thực hiện được 100%.*  - GV mời đại diện các nhóm trình bày. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT5***  *Theo kế hoạch, năm vừa qua một xưởng phải sản xuất 1 000 chiếc xe đạp. Đến hết năm, xưởng đó đã sản xuất được 1 150 chiếc. Hỏi:*  *a) Xưởng đó đã thực hiện được bao nhiêu phần trăm kế hoạch cả năm?*  *b) Xưởng đó đã thực hiện vượt mức kế hoạch bao nhiêu phần trăm?*  - HS đọc, phân tích bài toán:  + Cho biết: Theo kế hoạch sản xuất 1 000 chiếc xe đạp nhưng đã làm được 1150 chiếc.  + Hỏi: Xưởng đã thực hiện được bao nhiêu phần trăm kế hoạch cả năm? Xưởng đó đã thực hiện vượt mức bao nhiêu phần trăm kế hoạch cả năm?  - HS thực hiện vào vở, 1 HS trình bày bảng, chia sẻ trước lớp.  Kết quả:  *Bài giải*  *a) Tỉ số phần trăm của số xe đã làm được so với kế hoạch là:*  *1 150 : 1000 = 1,15 = 115%*  *b) Xưởng đó đã thực hiện vượt mức kế hoạch cả năm số phần trăm là:*  *115% - 100% = 15%*  *Đáp số: a) 115%; b) 15%*  - Hs nhắc lại ND đã học | |
| **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 42 – *Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.* | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

Có thể mở đầu tiết học bằng HĐ tổ chức trò chơi: ***Cuộc đua kì thú***

|  |
| --- |
| **Nội dung câu hỏi trò chơi**  ***Mật thư 1.***  *a) Tỉ số phần trăm của 120 và 400 là:*  *0,3% B. 30%*  *C. 3% D. 300%*  **Đáp án:** *120 : 400 = 0,3 = 30% 🡪 C****họn B.***  ***Mật thư 2.*** *Một đội trồng rừng có 30 công nhân nữ và 75 công nhân nam. Tỉ số phần trăm của số nữ và số nam là:*  *A. 40%*  *B. 0,4%*  *C. 4%*   *D. 4,0%*  **Đáp án.** *30 : 75 = 0,4 = 40% 🡪* ***Chọn B.***  ***Mật thư 3.***  *Kết quả của phép tính sau là: 35,5% + 13,8% = ?*  *A. 493%*  *B. 4,93%*  *C. 0,493%*  *D. 49,3%*  **Đáp án:** *35,5% + 13,8% = 49,3% 🡪* ***Chọn D.***  ***Mật thư 4.*** *Theo dự kiến đến cuối năm, khối lớp 5 sẽ có 125 học sinh đạt loại giỏi. Đến cuối học kì I khối lớp 5 đã có 85 học sinh đạt loại giỏi. Hỏi cuối học kì I, số học sinh giỏi khối lớp 5 đã đạt được bao nhiêu phần trăm số học sinh giỏi theo dự kiến?*  *A. 147%*  *B. 86%*  *C. 68%*   *D. 47%*  **Đáp án:** *85 : 125 = 0,68 = 68% 🡪* ***Chọn C.***  ***Mật thư 5.*** *Một mảnh đặt có diện tích 450 m2, trong đó diện tích sân, vườn và đường đi là 306 m2, còn lại diện tích đất xây nhà. Diện tích đất xây nhà chiếm số phần trăm diện tích mảnh đất là:*  *A. 3,2% B. 32%*  *C. 320% D. 68%*  **Đáp án:**  *Số diện tích đất xây nhà là:*  *450 – 306 = 144 m2*  *Tỉ số diện tích đất xây nhà chiếm số phần trăm là:*  *144 : 450 = 0,32 = 32%*  ***Chọn B.*** |

**BÀI 42: TÌM GIÁ TRỊ PHẦN TRĂM CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Biết cách tìm giá trị phần trăm của một số cho trước. Nắm được cách thực hiện phép tính về tìm tỉ số phần trăm của một số cho trước và thực hiện một cách thành thạo.
* Thông qua việc quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về giải bài toán tìm giá trị phần trăm của một số cho trước, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học. NL giải quyết vấn đề toán học, NLgiao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | | |
| **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh ***Khởi động***, yêu cầu HS quan sát, đọc bóng nói.    - GV đặt câu hỏi:  *+ Bộ lắp ghép hình có giá bao nhiêu tiền?*  *+ Bộ lắp ghép được giảm giá bao nhiêu phần trăm?*  - GV đặt vấn đề: *“Vậy số tiền được giảm là bao nhiêu?”*  - GV giới thiệu bài: *“Để trả lời cho câu hỏi này, chúng ta cùng tìm hiểu bài:* ***Bài 42: Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước****”.* | - HS quan sát, thực hiện yêu cầu của GV.  - HS trả lời:  *+ 120 000 đồng.*  + *15%*  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. | |
| **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Mục tiêu:** *Nhận biết và tìm được giá trị phần trăm của một số cho trước.* | | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV đặt vấn đề: *Tìm 15% của số 120 000.*  - GV hướng dẫn HS cách tính giá trị phần trăm của một số cho trước:  *+ Chuyển 15% về dạng phân số thập phân.*  *+ Áp dụng cách tìm phân số của một số cho trước để tính 15% của 120 000.*  *Từ đó, nêu cách tính 15% của 120 000*  **- GV chốt** (tiến trình kĩ năng) cách tính giá trị phần trăm của một số cho trước (với hai thao tác):  ***+ Chuyển tỉ số phần trăm đã cho về dạng phân số thập phân.***  ***+ Tìm phân số của một số cho trước.*** | - HS trả lời:  + *15% =*  *+ 120 000 = 18 000*  *120 000 15% =*  *= 120 000 = 18 000*  *Vậy 15% của 120 000 là 18 000.*  *+ Nhận xét: Muốn tìm 15% của 120 000 ta lấy 120 000 nhân với*  - HS chú ý lắng nghe, ghi chép vào vở.  - HS nhắc lại theo nhóm, nhắc lại trước lớp. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:** *Luyện tập, củng cố, khắc sâu quy tắc tìm tỉ số % của một số cho trước.*  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1** | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Tìm:*  *a) 60% của 250 l.*  *b) 75% của 12 m.*  *c) 120% của 150 người.*  *d) 64% của 12,5 g.*  *e) 30% của 800 m2.*  *g) 175% của 30 000 đồng.* | |
| -GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1. | - HS **đọc** yêu cầu bài tập 1. | |
| -Gv yêu cầu HS **xác định** việc cần làm. | -HS nhắc lại cách tìm giá trị phần trăm của một số cho trước rồi làm bài vào vở. | |
| -GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - HS bài cá nhân vào vở. | |
| -GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả. | - HS chia sẻ kết quả. | |
| -GV gọi 6 HS thực hiện và chia sẻ cách làm trước lớp.  - GV chữa bài, chốt đáp án và gọi 1 – 2 HS nhắc lại quy tắc tính giá trị phần trăm của một số cho trước. | - 6 HS thực hiện và chia sẻ cách làm trước lớp.  Kết quả:  *a) 60% của 250 l là: 250 = 150l*  *b) 75% của 12 m là: 12 = 9 m*  *c) 120% của 150 người là: 150 = 180 người.*  *d) 64% của 12,5 g là: 12,5 = 8g.*  *e) 30% của 800 m2 là: 800 = 240 m2.*  *g) 175% của 30 000 đồng là:*  *30 000 = 52 500 đồng.* | |
| - Gv yêu cầu HS lấy thêm ví dụ về tìm giá trị phần trăm của một số và thực hiện nhanh vào vở nháp. | - HS thực hiện, chia sẻ trước lớp. | |
| **\* CỦNG CỐ** |  | |
| - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. | - Cách tìm giá trị % của một số cho trước. | |
|  | - HS nêu ý kiến theo cá nhân | |
| - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát. |  | |

**BÀI 42: TÌM GIÁ TRỊ PHẦN TRĂM CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Củng cố và hoàn thiện kỹ năng tìm giá trị phần trăm của một số cho trước. Vận dụng đi giải bài toán về tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.
* Thông qua việc quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về giải bài toán tìm giá trị phần trăm của một số cho trước, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NLgiao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | | |
| - HS hát khởi động đầu giờ. | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **\* Mục tiêu:** Hình thành kĩ năng giải bài toán về tìm giá trị phần trăm của một số cho trước. | | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Em hiểu**  - GV cho HS đọc đề bài, phân tích đề bài.  *+ Bài toán cho gì?*  *+ Bài toán hỏi gì?*  **Em nghĩ**  - GV đặt câu hỏi dẫn dắt:  *+ Tìm 80% của số 300 ta thực hiện thế nào?*  **Em trả lời**  - GV yêu cầu HS trình bày bài giải.  - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày bài.  **-** GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình giải bài toán (nói một cách khái quát). | - **Nêu bài toán:** *Tại một lễ hội, năm ngoái lượng rác thải trung bình của mỗi khách du lịch là 300g. Năm nay, do tuyên truyền nâng cao ý thức nên lượng rác thải trung bình của mỗi du khách chỉ còn bằng 80% của năm ngoái. Hỏi năm nay lượng rác thải trung bình của mỗi người là bao nhiêu gam?*  - HS trả lời:  *+ Năm ngoái, lượng rác thải trung bình của mỗi người là 300g rác.*  *Năm nay chỉ còn bằng 80% của năm ngoái.*  *+ Tìm lượng rác thải trung bình của mỗi người tại lễ hội năm nay.*  - HS trả lời:  + *Sử dụng cách tìm phân số của một số.*  *300 80% = 300 = 240*  - HS trả lời  *Bài giải*  *Lượng rác thải trung bình của mỗi người tại lễ hội năm nay là:*  *300 80% = 240 (g)*  *Đáp số: 240 g rác*  - HS nhắc lại. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\* Mục tiêu:**  - Củng cố và hoàn thiện kỹ năng giải bài toán về tìm tỉ số phần trăm của một số cho trước. | | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 2**  - Yêu cầu HS đọc, phân tích bài toán  - GV cho HS đọc đề bài, cho biết bài toán cho gì, bài toán hỏi gì, suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề.  - Yêu cầu HS thực hiện bài cá nhân vào vở  - GV nhận xét, kết luận.  - **Mở rộng**: *GV giới thiệu bài toán về tính lãi suất ngân hàng, ứng dụng trong thực tế.*  *Tiền lãi 1 năm = Số tiền gửi Lãi suất.*  - GV chữa bài, chốt đáp án. | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT2***  *Cô An gửi tiết kiệm 50 000 000 đồng với kì hạn một năm, lãi suất 7% một năm. Hỏi sau một năm cô An nhận được bao nhiêu tiền lãi?*  **-** Cho biết: Gửi tiết kiệm 50 000 000 đồng. Lãi suất 7% một năm.  + Hỏi: Sau một năm nhận được bao nhiêu tiền lãi?  - HS suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề: Tìm 7% của số 50 000 000.  - HS trình bày bài giải:  *Bài giải*  Sau một năm cô An nhận được số tiền là:  50 000 000 x 7% = 3 500 000 (đồng)  Đáp số: 3 500 000 đồng.  - HS trình bày bài giải vào vở cá nhân.  - Đổi chéo vở với bạn cùng bàn, kiểm tra đáp án. HS chia sẻ trước lớp. | |
| **Bài 3:**  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi, sử dụng tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu trong mỗi hình.  - GV gợi ý:  *+ Có tất cả bao nhiêu ô vuông?*  *+ Có bao nhiêu ô đã tô màu?*  *+ Tỉ số phần trăm số ô đã tô màu là bao nhiêu?*  - Lưu ý để HS nhận ra mối quan hệ giữa phân số, số thập phân và tỉ sổ phần trăm theo từng hình vẽ.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  - GV nhận xét. | ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT3***  *Sử dụng tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu trong mỗi hình sau:*      - Đếm phần tô màu có bao nhiêu ô thì chiếm từng đó phần trăm.  - HS thảo luận theo cặp sử dụng tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu trong mỗi hình.  - HS vận dụng, thực hiện vào vở cá nhân.  - HS chia sẻ cách làm.  Kết quả:  *Hình A: Tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu là:*  *8 : 100 = 0,08 = 8%*  *Hình B: Tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu là:*  *20 : 100 = 0,2 = 20%*  *Hình C: Tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu là:*  *36 : 100 = 0,36 = 36%*  *Hình D: Tỉ số phần trăm để biểu diễn phần đã được tô màu là:*  *24 : 100 = 0,24 = 24%* | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM.**  **\* Mục tiêu:** Củng cố, mở rộng kiến thức vào làm bài toán thực tế. | | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 4:**  - GV cho HS thảo luận nhóm, nói cho nhau nghe bài toán cho gì, bài toán hỏi gì và nhận biết các bước thực hiện.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - Gv nhận xét, kết luận.  - GV tổng kết: Muốn tính giá trị phần trăm của một số cho trước ta làm thế nào? | ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT4***  *Hình dưới đây cho biết giá niêm yết của một số mặt hàng:*    *Cửa hàng đang có chương trình giảm giá 10% tất cả các mặt hàng. Tính giá bán của mỗi mặt hàng sau khi giảm giá.*  - HS thảo luận, tính giá bán của mỗi mặt hàng sau khi giảm giá.  *+* Ô tô đồ chơi:  Số tiền được giảm giá là:  29 000 x 10% = 2 900 (đồng)  Giá bán sau khi giảm giá là:  29 000- 2 900 = 26 100 đồng  - Tương tự với các mặt hàng khác.  - HS nêu cách làm.  Kết quả:  *1) Ô tô đồ chơi*  *Số tiền được giảm giá là:*  *29 000 10% = 2 900 (đồng)*  *Giá bán của ô tô đồ chơi sau khi giảm giá là:*  *29 000 – 2 900 = 26 100 (đồng)*  *2) Vở ô li*  *Số tiền được giảm giá là:*  *8 500 10% = 850 (đồng)*  *Giá bán của vở ô li sau khi giảm giá là:*  *8 500 - 850 = 7 650 (đồng)*  *3) Hộp bút sáp màu*  *Số tiền được giảm giá là:*  *73 500 10% = 7 350 (đồng)*  *Giá bán của hộp bút sáp màu sau khi giảm giá là:*  *73 500 – 7 350 = 66 150 (đồng)*  *4) Bộ thước kẻ*  *Số tiền được giảm giá là:*  *34 000 10% = 3 400 (đồng)*  *Giá bán của bộ thước kẻ sau khi giảm giá là:*  *34 000 – 3 400 = 30 600 (đồng)*  *5) Hộp bút*  *Số tiền được giảm giá là:*  *39 000 10% = 3 900 (đồng)*  *Giá bán của hộp bút sau khi giảm giá là:*  *39 000 – 3 900 = 35 100 (đồng)*  *6) Bình nước*  *Số tiền được giảm giá là:*  *35 000 10% = 3 500 (đồng)*  *Giá bán của bình nước sau khi giảm giá là:*  *35 000 – 3 500 = 31 500 (đồng)* | |
| **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 43 – *Luyện tập chung* | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. | |